

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2 - 3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

5 - 6

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ

7

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

8 - 9

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

10 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi gần nhất lần thứ 35 ngày 14/11/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Tên tiếng anh: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION.

Tên viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 35 ngày 14/11/2025 là 1.100.889.030.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn một trăm tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã ELC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Minh Thắng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Số: 428/2026/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM, được lập ngày 26/8/2026, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế IMPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+160)	100		1.201.392.937.307	1.527.577.379.744
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	91.158.734.187	392.509.336.168
1. Tiền	111		86.054.269.962	116.335.528.647
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.104.464.225	276.173.807.521
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	107.285.969.184	170.661.564.001
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		107.285.969.184	170.661.564.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		632.525.118.019	749.522.169.477
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	512.206.568.495	655.767.486.962
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	71.356.293.207	68.968.016.078
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	138.293.409.946	111.186.437.088
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(89.331.153.629)	(86.399.770.651)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	354.855.165.024	210.338.224.971
1. Hàng tồn kho	141		354.855.165.024	210.338.224.971
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		15.567.950.893	4.546.085.127
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	333.472.854	328.057.828
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		15.196.822.108	4.218.027.299
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		37.655.931	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		854.676.292.975	569.946.918.053
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		107.748.053.512	107.748.053.512
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	13.000.000.000	13.000.000.000
5. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	94.748.053.512	94.748.053.512
II. Tài sản cố định	220		52.622.119.679	55.855.002.059
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	42.514.888.543	44.380.205.377
- Nguyên giá	222		87.934.752.032	83.420.247.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.419.863.489)	(39.040.042.545)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	10.107.231.136	11.474.796.682
- Nguyên giá	228		20.718.668.986	20.718.668.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.611.437.850)	(9.243.872.304)
IV. Bất động sản đầu tư	240	5.11	5.568.361.635	5.568.361.635
1. Nguyên giá	241		6.744.124.331	6.744.124.331
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		143.891.270.975	137.763.256.804
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.12	143.891.270.975	137.763.256.804
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	537.708.338.160	258.864.875.059
1. Đầu tư vào công ty con	261		383.607.125.000	200.407.125.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		9.617.863.966	26.978.603.966
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		71.146.510.000	71.146.510.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(22.495.971.923)	(39.667.363.907)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		95.832.811.117	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		7.138.149.014	4.147.368.984
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	7.138.149.014	4.147.368.984
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		2.056.069.230.282	2.097.524.297.797

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND (Trình bày lại)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		826.962.017.578	877.284.553.696
I. Nợ ngắn hạn	310		639.321.839.635	684.142.614.320
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	236.361.197.019	301.777.783.596
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	123.720.787.980	107.230.071.932
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.15	691.150.648	691.150.648
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.16	6.528.889.979	19.885.616.653
5. Phải trả người lao động	315		5.215.246.515	6.997.220.608
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.17	1.064.510.912	8.756.410.802
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	5.18	2.113.639.925	3.299.499.917
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.19	4.140.450.636	3.832.234.393
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.21	249.686.938.485	226.093.019.518
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	5.20	3.110.566.980	680.184.597
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.688.460.556	4.899.421.656
II. Nợ dài hạn	330		187.640.177.943	193.141.939.376
8. Phải trả dài hạn khác	338	5.19	8.191.037.743	7.916.856.547
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.21	170.118.795.110	170.118.795.110
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	5.20	9.330.345.090	15.106.287.719
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.22	1.229.107.212.704	1.220.239.744.101
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.889.030.000	1.100.889.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.889.030.000	1.100.889.030.000
2. Thặng dư vốn	412		(313.500.000)	(281.100.000)
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(397.000.000)	(144.000.000)
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.200.000.000	5.200.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		123.728.682.704	114.575.814.101
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		108.575.814.101	27.185.141.425
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		15.152.868.603	87.390.672.676
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.056.069.230.282	2.097.524.297.797

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đậu Thị Lý

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	514.757.595.189	303.289.063.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		514.757.595.189	303.289.063.149
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	438.391.906.181	256.602.790.717
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		76.365.689.008	46.686.272.432
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	20.276.457.841	27.980.494.811
8. Chi phí tài chính	23	6.4	12.233.341.102	8.902.531.095
Trong đó: Chi phí đi vay	24		11.781.663.354	7.082.071.447
9. Chi phí bán hàng	25		24.712.003.500	19.435.179.767
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	38.725.818.453	29.645.662.803
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		20.970.983.794	16.683.393.578
12. Thu nhập khác	31	6.6	91.979.820	10.015.050
13. Chi phí khác	32	6.6	1.051.174.655	287.461.568
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(959.194.835)	(277.446.518)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		20.011.788.959	16.405.947.060
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	4.858.920.356	1.903.624.534
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.152.868.603	14.502.322.526

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đậu Thị Lý

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thắng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.011.788.959	16.405.947.060
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.747.386.490	6.355.391.904
- Các khoản dự phòng	03		(224.829.252)	(3.686.337.664)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.272.434.499)	780.074.933
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(16.145.955.251)	(25.196.231.913)
- Chi phí đi vay	06		11.781.663.354	7.082.071.447
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.897.619.801	1.740.915.767
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		114.937.454.972	(192.873.619.509)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(148.947.243.713)	(62.831.539.163)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(59.131.139.074)	(79.299.652.854)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(2.996.195.056)	(403.001.703)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(11.124.814.038)	(7.082.071.447)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.973.017.410)	(17.486.242.287)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.210.961.100)	(3.124.775.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(107.548.295.618)	(361.359.986.196)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.212.214.621)	(179.633.630.986)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	86.346.782.465
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(106.840.840.000)	(106.159.397.555)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.957.469.205	67.651.800.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(183.200.000.000)	(1.963.510.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6.530.400.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.150.928.696	8.914.700.195
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(217.144.656.720)	(118.312.855.881)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	124.679.010.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(253.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		289.686.938.485	505.736.928.267
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(266.093.019.518)	(222.033.675.332)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		23.340.918.967	408.382.262.935

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(301.352.033.371)	(71.290.579.142)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	392.509.336.168	293.626.546.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.431.390	13.245.301
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	91.158.734.187	222.349.213.002

Người lập biểu


Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng


Đậu Thị Lý

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi gần nhất lần thứ 35 ngày 14/11/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Tên tiếng anh: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION.

Tên viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 35 ngày 14/11/2025 là 1.100.889.030.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn một trăm tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã ELC.

1.2 Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Sản xuất phần mềm, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỉ lệ góp vốn	Tỉ lệ lợi ích	Tỉ lệ biểu quyết
Công ty con trực tiếp					
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Datanova Việt Nam	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	93,00%	93,00%	93,00%
Công ty Cổ phần Elcom Prime	Hồ Chí Minh	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Tập đoàn thương mại Hà Nội	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản	88,48%	88,48%	88,48%
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	50,50%	50,50%	50,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings (i)	Hà Nội	Xuất bản phần mềm	80,00%	80,00%	80,00%
Công ty con gián tiếp					
Công ty CP đầu tư Smartek	Hà Nội	Xuất bản phần mềm		88,35%	95,00%
<i>Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Datanova Việt Nam</i>					
Công ty Cổ phần chuyển đổi số VDX	Hà Nội	Hoạt động viễn thông khác		68,00%	85,00%
<i>Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings</i>					
Công ty liên kết					
Công ty CP Công nghệ VFT (ii)	Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	34%	34%	49,00%

- (i) Theo Nghị quyết HĐQT số 02-06/2026/NQ-HĐQT ngày 18/06/2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM thông qua việc mua 1.600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings (tương đương 80% vốn điều lệ) .
- (ii) Bao gồm tỷ lệ sở quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ là 34% và tỷ lệ quyền biểu quyết thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam là 15%.

1.5 Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ kế toán

Số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 242 người (tại ngày 31/12/2025 là 229 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác theo từng kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 03 - 08 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm các bất động sản do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty đã có quyết định ngừng khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và chi phí khác

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và chi phí khác có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả này là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay;
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành;

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại được ghi giảm thặng dư vốn.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa, dự phòng bảo hành công trình

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của bất động sản, sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Tiền mặt	4.659.443.469	964.479.761
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	81.394.826.493	115.371.048.886
Tương đương tiền (**)	5.104.464.225	276.173.807.521
Cộng	91.158.734.187	392.509.336.168

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	53.551.408.411	82.281.277.955
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	27.035.304.961	27.114.087.714
Đối tượng khác	808.113.121	5.975.683.217
Cộng	81.394.826.493	115.371.048.886

() Chi tiết tương đương tiền**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	276.173.807.521
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (i)	5.104.464.225	-
Cộng	5.104.464.225	276.173.807.521

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam với lãi suất 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND) (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	107.285.969.184	107.285.969.184	-	170.661.564.001	170.661.564.001	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>56.326.530.795</i>	<i>56.326.530.795</i>	<i>-</i>	<i>46.060.000.000</i>	<i>46.060.000.000</i>	<i>-</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (1)	21.766.530.795	21.766.530.795	-	11.500.000.000	11.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (2)	34.560.000.000	34.560.000.000	-	34.560.000.000	34.560.000.000	-
<i>Cho vay</i>	<i>47.116.840.000</i>	<i>47.116.840.000</i>	<i>-</i>	<i>115.059.397.555</i>	<i>115.059.397.555</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Thương Mại Đại Cát	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH (3)	-	-	-	85.059.397.555	85.059.397.555	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Giao thông thông minh Việt Nam (4)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
Ông Hà Quốc Vương (5)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-
Ông Giang Tuấn Nam (6)	31.116.840.000	31.116.840.000	-	-	-	-
<i>Lãi cho vay và lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>3.842.598.389</i>	<i>3.842.598.389</i>	<i>-</i>	<i>9.542.166.446</i>	<i>9.542.166.446</i>	<i>-</i>
Lãi cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển MBH	-	-	-	6.344.498.902	6.344.498.902	-
Lãi cho vay các đối tượng khác	1.516.255.058	1.516.255.058	-	748.273.972	748.273.972	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.326.343.331	2.326.343.331	-	2.449.393.572	2.449.393.572	-
Dài hạn	95.832.811.117	95.832.811.117	-	-	-	-
<i>Cho vay</i>	<i>85.059.397.555</i>	<i>85.059.397.555</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH (3)	85.059.397.555	85.059.397.555	-	-	-	-
<i>Lãi cho vay</i>	<i>10.773.413.562</i>	<i>10.773.413.562</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển MBH	10.773.413.562	10.773.413.562	-	-	-	-
Cộng	203.118.780.301	203.118.780.301	-	170.661.564.001	170.661.564.001	-

(1) Gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất từ 7-8%/năm.

(2) Gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 -12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 7,7-8,2%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

(3) Hợp đồng vay vốn số 01/HDVV/ELCOM-MBH ngày 02/01/2025 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD/ELCOM-MBH ngày 02/01/2026 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và bên vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển MBH; Số tiền vay: 85.059.397.555 VND; Mục đích vay: Thanh toán đợt 1 khoản thanh toán thứ hai của hợp đồng chuyển nhượng một phần Dự án số 07/2024/THT-ELCOM-MBH/PTC-H1CC1; Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp cổ phần; Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vốn vay; Lãi suất: 10,5%/năm.

(4) Hợp đồng vay vốn số 01/2025/ELC-ITS ngày 26/06/2025 và Phụ lục số 01 ngày 27/12/2025 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Giải pháp giao thông thông minh Việt Nam. Số tiền vay: 12.000.000.000 VND với mục đích vay là bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Giải pháp giao thông thông minh Việt Nam. Thời gian cho vay đến ngày 31/10/2026, lãi suất cho vay cố định 5,5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Ngày 29/06/2026 đã thu hồi được 11.000.000.000 VND.

(5) Hợp đồng vay vốn số 1201/2026/ELC-HQV ngày 12/01/2026 và phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và ông Hà Quốc Vương. Số tiền vay: 15.000.000.000 VND, lãi suất cho vay cố định 6%/năm, thời hạn vay đến 16/10/2026, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(6) Hợp đồng vay vốn số 2605/2026/ELC-GTN ngày 26/05/2026 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và ông Giang Tuấn Nam. Số tiền vay: 34.898.840.000 VND, lãi suất cho vay cố định 8%/năm, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 03/06/2026, Công ty đã thu hồi 3.782.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			383.607.125.000	366.960.836.936	(16.646.288.064)	200.407.125.000	183.692.951.748	(16.714.173.252)
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	100,00%	100,00%	30.000.000.000	13.353.711.936	(16.646.288.064)	30.000.000.000	13.285.826.748	(16.714.173.252)
Công ty Cổ phần Datanova Việt Nam	93,00%	93,00%	13.681.125.000	13.681.125.000	-	13.681.125.000	13.681.125.000	-
Công ty CP ELCOMPRIME	70,00%	70,00%	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội (i)	88,48%	88,48%	180.600.000.000	180.600.000.000	-	13.400.000.000	13.400.000.000	-
Công ty CP Máy tính & truyền thông Việt Nam	50,50%	50,50%	136.326.000.000	136.326.000.000	-	136.326.000.000	136.326.000.000	-
Cty CP đầu tư GSS Holdings (ii)	80,00%	80,00%	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			9.617.863.966	9.617.863.966	-	26.978.603.966	9.617.863.966	(17.360.740.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ VLM Bắc Kạn (iii)			-	-	-	17.360.740.000	-	(17.360.740.000)
Công ty Cổ phần Viễn thông VFT	34,00%	34,00%	9.617.863.966	9.617.863.966	-	9.617.863.966	9.617.863.966	-
Đầu tư vào đơn vị khác			71.146.510.000	65.296.826.141	(5.849.683.859)	71.146.510.000	65.554.059.345	(5.592.450.655)
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	5,30%	5,30%	28.590.000.000	26.529.079.396	(2.060.920.604)	28.590.000.000	26.529.079.396	(2.060.920.604)
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	0,50%	0,50%	115.000.000	115.000.000	-	115.000.000	115.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh	18,98%	18,98%	360.000.000	-	(360.000.000)	360.000.000	-	(360.000.000)
Công ty Cổ phần Trung Văn	19,00%	19,00%	26.985.200.000	26.072.952.432	(912.247.568)	26.985.200.000	26.072.952.432	(912.247.568)
Công ty Cổ phần ISK	19,00%	19,00%	4.674.000.000	2.157.484.313	(2.516.515.687)	4.674.000.000	2.414.717.517	(2.259.282.483)
Công ty Cổ phần Quản lý năng lượng thông minh (PSMART.,JSC)	6,55%	6,55%	10.422.310.000	10.422.310.000	-	10.422.310.000	10.422.310.000	-
Tổng			464.371.498.966	441.875.527.043	(22.495.971.923)	298.532.238.966	258.864.875.059	(39.667.363.907)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

(i) Bao gồm các giao dịch:

- Theo Nghị quyết HĐQT số 03-01/2026/NQ-HĐQT ngày 05/01/2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM thông qua việc mua thêm 6.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội trong đợt phát hành mới.
- Nhận chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội với giá trị chuyển nhượng là 50.000.000.000 VND (Tương ứng 25.000 đồng/cổ phần).
- Theo Nghị quyết HĐQT số 01-05/2026/NQ-HĐQT ngày 08/05/2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM thông qua việc mua thêm 5.020.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội trong đợt phát hành mới. Tổng số cổ phần ELCOM sở hữu sau khi mua là 15.060.000 cổ phần tương ứng 88,48% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 02-06/2026/NQ-HĐQT ngày 18/06/2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM thông qua việc mua 1.600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings (tương đương 80% vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đã mua 1.600.000 cổ phần từ các cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings (chiếm 80% vốn điều lệ) với giá trị chuyển nhượng là 16.000.000.000 VND (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần).

(iii) Ngày 12/03/2026, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 01-03/2026/NQ-HĐQT thông qua việc chấm dứt tư cách Công ty liên kết đối với Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn do Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn đã hoàn tất thủ tục giải thể.

(iv) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	512.206.568.495	(80.746.427.903)	655.767.486.962	(80.746.427.903)
Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội Viettel	20.514.427.003	(17.846.327.583)	182.086.071.978	(17.846.327.583)
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC (i)	28.757.184.348	-	28.757.184.348	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội	-	-	8.645.433.472	-
INTERLABS PTE.LTD	46.058.853.780	-	45.701.441.700	-
Công an tỉnh Phú Thọ	9.475.633.559	-	82.196.089.420	-
Ban quản lý dự án 7	89.936.143.581	-	34.289.901.872	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	317.464.326.224	(62.900.100.320)	274.091.364.172	(62.900.100.320)
Cộng	512.206.568.495	(80.746.427.903)	655.767.486.962	(80.746.427.903)
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	-	-	8.645.433.472	-
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(i) Tại ngày 30/6/2026, số dư đối với Công ty TNHH Thu phí tự động VETC có 28.757.184.348 VND đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, khoản công nợ quá hạn này đã được thỏa thuận theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 83/2023/QĐST-KDTM ngày 19/09/2023 và hai bên có cam kết lộ trình thanh toán từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2026. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Thu phí tự động VETC vẫn đang thanh toán theo đúng lộ trình cam kết.

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	71.356.293.207	-	68.968.016.078	-
Công ty CP Đầu tư thương mại & PT dịch vụ Việt Nam	-	-	9.200.000.000	-
Microtech Plus Inc	30.804.250.863	-	33.664.515.747	-
Các khoản trả trước khác	40.552.042.344	-	26.103.500.331	-
Dài hạn	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Ông Trần Hùng Giang (i)	4.030.000.000	-	4.030.000.000	-
Ông Ngô Ngọc Hà (i)	2.990.000.000	-	2.990.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (i)	5.980.000.000	-	5.980.000.000	-
Cộng	84.356.293.207	-	81.968.016.078	-
<i>Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan</i>	13.000.000.000	-	22.200.000.000	-
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.4 Trả trước cho người bán (Tiếp theo)

(i) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các lô đất thuộc “Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội”. Theo biên bản thỏa thuận hợp tác số 311222/BBTT-ELCOM ngày 31/12/2022, các bên thống nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028. Sau thời gian nêu trên, nếu dự án không được triển khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cùng nhau thống nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên tinh thần hợp tác giữa các bên và nếu không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải hoàn lại vô điều kiện phần tạm ứng theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

5.5 Phải thu khác

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	138.293.409.946	(2.721.959.769)	111.186.437.088	(2.721.959.769)
Tạm ứng	17.594.364.687	-	14.788.774.596	-
Ký cược, ký quỹ	40.534.809.748	-	34.016.807.692	-
Phải thu khác	80.164.235.511	(2.721.959.769)	62.380.854.800	(2.721.959.769)
- Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	(1.005.750.000)	1.005.750.000	(1.005.750.000)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	(1.716.209.769)	1.716.209.769	(1.716.209.769)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH (i)	56.836.285.849	-	49.674.745.059	-
- Lưu Diệu Huyền (ii)	18.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.605.989.893	-	9.984.149.972	-
Dài hạn	94.748.053.512	(5.862.765.957)	94.748.053.512	(2.931.382.979)
Công ty CP Đầu tư BĐS Thanh Trì (iii)	5.862.765.957	(5.862.765.957)	5.862.765.957	(2.931.382.979)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH (iv)	85.059.397.555	-	85.059.397.555	-
Ký cược, ký quỹ	3.825.890.000	-	3.825.890.000	-
Cộng	233.041.463.458	(8.584.725.726)	205.934.490.600	(5.653.342.748)

(i) Bao gồm các khoản góp vốn và khoản phải thu của ELCOM tại Dự án đầu tư xây dựng khu tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ, Trung tâm thương mại, Văn hóa tổng hợp Tây Hồ Tây theo Hợp đồng Liên danh hợp tác đầu tư số 01/2024/HĐ-HTĐT ngày 08/03/2024 và các phụ lục của Hợp đồng.

(ii) Khoản phải thu phát sinh theo Hợp đồng hợp tác số 1706/2026/HĐHTĐT/ELCOM-CN ngày 17/06/2026. Hợp đồng đã được thanh lý ngày 23/06/2026 do không đạt được mục tiêu hợp tác. Theo Biên bản thanh lý, khoản tiền Công ty đã đặt cọc sẽ được hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản thanh lý. Đến ngày 30/06/2026, Công ty đã thu hồi 22.000.000.000 tỷ VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

(iii) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HTĐT/ELCOM-BĐSTHANH LIET ngày 11/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

Theo nghị quyết số 01-12/2022/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thông qua thoái 100% vốn góp của Công ty tại “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

(iv) Khoản phải thu theo Hợp đồng Liên danh hợp tác đầu tư số 01/2024/HĐ-HTĐT ngày 08/03/2024 và Phụ lục Hợp đồng liên danh hợp tác đầu tư số 04/PL-HĐLD ngày 15/01/2025 về việc ELCOM thay mặt liên danh ký kết hợp đồng vay vốn - thế chấp tài sản và các văn bản liên quan với ngân hàng.

MAI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.6 Nợ xấu

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	80.746.427.903	(80.746.427.903)	-	80.746.427.903	(80.746.427.903)	-
Tập đoàn Viễn thông QĐ/Viettel - HĐ02/2012	17.846.327.583	(17.846.327.583)	-	17.846.327.583	(17.846.327.583)	-
Công ty Cổ phần Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	(12.943.377.077)	-	12.943.377.077	(12.943.377.077)	-
Tổng Công ty Hạ tầng mạng/VNPT NET	15.534.200.000	(15.534.200.000)	-	15.534.200.000	(15.534.200.000)	-
Các đối tượng khác	34.422.523.243	(34.422.523.243)	-	34.422.523.243	(34.422.523.243)	-
- Phải thu khác	8.584.725.726	(8.584.725.726)	-	8.584.725.726	(5.653.342.748)	2.931.382.978
Tổng	89.331.153.629	(89.331.153.629)	-	89.331.153.629	(86.399.770.651)	2.931.382.978

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	215.899.290.847	-	179.337.969.747	-
Thành phẩm	1.411.864.586	-	1.411.864.586	-
Hàng hóa	137.544.009.591	-	29.588.390.638	-
Cộng	354.855.165.024	-	210.338.224.971	-

5.8 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	333.472.854	328.057.828
Chi phí chờ phân bổ khác	333.472.854	328.057.828
Dài hạn	7.138.149.014	4.147.368.984
Chi phí công cụ dụng cụ	2.290.927.318	894.388.976
Chi phí chờ phân bổ khác	4.847.221.696	3.252.980.008
Cộng	7.471.621.868	4.475.426.812

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2026	2.178.763.310	25.475.988.344	42.405.418.435	13.360.077.833	83.420.247.922
Mua trong kỳ	-	-	4.514.504.110	-	4.514.504.110
Số dư tại 30/06/2026	2.178.763.310	25.475.988.344	46.919.922.545	13.360.077.833	87.934.752.032
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2026	(1.511.789.059)	(8.684.858.869)	(24.150.259.641)	(4.693.134.976)	(39.040.042.545)
Khấu hao trong kỳ	(80.036.904)	(2.020.221.408)	(3.141.224.680)	(1.138.337.952)	(6.379.820.944)
Số dư tại 30/06/2026	(1.591.825.963)	(10.705.080.277)	(27.291.484.321)	(5.831.472.928)	(45.419.863.489)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2026	666.974.251	16.791.129.475	18.255.158.794	8.666.942.857	44.380.205.377
Tại 30/06/2026	586.937.347	14.770.908.067	19.628.438.224	7.528.604.905	42.514.888.543

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 18.821.719.842 VND (tại ngày 01/01/2026 là 18.608.955.297 VND).

(*) Không có tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2026	20.718.668.986	20.718.668.986
Số dư tại 30/06/2026	20.718.668.986	20.718.668.986
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2026	(9.243.872.304)	(9.243.872.304)
Khấu hao trong kỳ	(1.367.565.546)	(1.367.565.546)
Số dư tại 30/06/2026	(10.611.437.850)	(10.611.437.850)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2026	11.474.796.682	11.474.796.682
Tại 30/06/2026	10.107.231.136	10.107.231.136

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 4.864.499.881 VND (tại ngày 01/01/2026 là 4.864.499.881 VND).

(*) Danh mục tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

STT	Loại và tên tài sản	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Hệ thống phần mềm eOne SMS tại Mobifone	3.500.000.000	(3.500.000.000)	-	3.500.000.000	(3.500.000.000)	-
2	Phần mềm BI	6.927.743.615	(2.237.083.876)	4.690.659.739	6.927.743.615	(1.804.099.900)	5.123.643.715
3	PM eFlow	2.579.452.819	(644.863.200)	1.934.589.619	2.579.452.819	(483.647.400)	2.095.805.419
4	Phần mềm charging 2 tài khoản	4.801.250.000	(1.900.494.798)	2.900.755.202	4.801.250.000	(1.300.338.546)	3.500.911.454
	Tổng cộng	17.808.446.434	(8.282.441.874)	9.526.004.560	17.808.446.434	(7.088.085.846)	10.720.360.588

5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	01/01/2026 VND (Trình bày lại)	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	6.744.124.331	-	-	6.744.124.331
- Nhà	6.744.124.331	-	-	6.744.124.331
Giá trị tổn thất do suy giảm giá trị	(1.175.762.696)	-	-	(1.175.762.696)
- Nhà	(1.175.762.696)	-	-	(1.175.762.696)
Giá trị còn lại	5.568.361.635	-	-	5.568.361.635
- Nhà	5.568.361.635	-	-	5.568.361.635

Bất động sản đầu tư là bất động sản chờ tăng giá, Công ty đã có quyết định ngừng trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư chờ tăng giá này.

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2026 là 5.568.361.635 VND (tại ngày 01/01/2026 là 5.568.361.635 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

(*) Danh mục bất động sản đầu tư đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị bất động sản đầu tư trở lên:

STT	Loại và tên tài sản	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Giá trị hao mòn			Giá trị hao mòn		
		Nguyên giá	lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	lũy kế	Giá trị còn lại
1	Căn hộ Vimeco	4.305.000.000	(1.175.762.696)	3.129.237.304	4.305.000.000	(1.175.762.696)	3.129.237.304
2	Căn hộ 08.04 của HTX TM DV Hợp Thành	2.439.124.331	-	2.439.124.331	2.439.124.331	-	2.439.124.331
	Tổng cộng	6.744.124.331	(1.175.762.696)	5.568.361.635	6.744.124.331	(1.175.762.696)	5.568.361.635

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị có thể		Giá trị có thể	
	Giá gốc	thu hồi	Giá gốc	thu hồi
a) Xây dựng cơ bản dở dang	143.891.270.975	143.891.270.975	137.763.256.804	137.763.256.804
Dự án Tây Hồ Tây (i)	143.366.173.435	143.366.173.435	137.358.159.264	137.358.159.264
Các dự án khác	525.097.540	525.097.540	405.097.540	405.097.540
Cộng	143.891.270.975	143.891.270.975	137.763.256.804	137.763.256.804

(i) Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH (MBH) nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng khu tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ, Trung tâm thương mại, Văn hóa tổng hợp Tây Hồ Tây theo Quyết định 5949/QĐ-UBND ngày 15/11/2024. Tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ lợi ích của ELCOM và MBH tại thời điểm ngày 30/6/2026 lần lượt là 30% và 70%.

- Mục tiêu: Đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành một khu tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ, Trung tâm thương mại, Văn hóa tổng hợp Tây Hồ Tây trên ô đất H1CC1;

- Quy mô dự án: Tổng diện tích đất: 7.561 m²; mật độ xây dựng khoảng 40%; diện tích xây dựng: khoảng 3.024 m²; số tầng nổi 3-17 tầng; số tầng hầm 02 tầng; hệ số sử dụng đất khoảng 4,80 lần theo Quyết định số 5581/QĐ-UBND của UBND Thành phố ngày 13/9/2013 phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Khu vực trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây, tỷ lệ 1/500; văn bản số 2490/QHKT-P1 ngày 22/5/2020 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và văn bản số 2160/UBND-ĐT ngày 03/6/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về Quy hoạch ô đất H1CC1.

Tại ngày 30/6/2026, dự án đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (Xem chi tiết tại thuyết minh 5.21).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.13 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	236.361.197.019	301.777.783.596
Công ty Cổ phần đầu tư Cetech	27.935.982.000	27.935.982.000
Comverse Network Ltd	67.811.307.144	24.431.928.213
Ciena Communications Inc	4.459.303.172	82.416.180.704
Hudson Capital Holding Ltd	-	48.970.245.727
TWS International trading Pte Ltd	37.361.926.800	37.486.992.400
Đối tượng khác	98.792.677.903	80.536.454.552
Cộng	236.361.197.019	301.777.783.596
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>4.907.069.894</i>	<i>2.737.422.566</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	123.720.787.980	107.230.071.932
Ban quản lý dự án 7	-	23.999.177.392
Cục hồ sơ nghiệp vụ - Bộ công an	-	45.454.851.650
Trung tâm quản lý điều hành giao thông đô thị	11.395.131.139	15.810.607.526
Ban quản lý dự án khu vực Vĩnh Phúc	13.077.000.000	-
Ban duy tu các công trình hạ tầng giao thông	42.823.753.200	-
Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận	31.082.944.000	-
Đối tượng khác	25.341.959.641	21.965.435.364
Cộng	123.720.787.980	107.230.071.932

5.15 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (*)	691.150.648	691.150.648

(*) Cổ tức phải trả là một phần cổ tức từ năm 2009 đến năm 2021 chưa được trả của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Phải nộp	19.885.616.653	35.813.894.139	49.170.620.813	6.528.889.979
<i>Ngắn hạn</i>	<i>19.885.616.653</i>	<i>35.813.894.139</i>	<i>49.170.620.813</i>	<i>6.528.889.979</i>
Thuế GTGT phải nộp	-	2.033.936.380	2.033.936.380	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.687.157.440	24.687.157.440	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.973.017.410	4.858.920.356	17.973.017.410	4.858.920.356
Thuế thu nhập cá nhân	173.795.526	1.379.378.905	1.333.438.663	219.735.768
Thuế nhà thầu	1.625.743.120	2.854.501.058	3.143.070.920	1.337.173.258
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.060.597	-	-	113.060.597
Phải thu	-	1.640.009.934	1.677.665.865	37.655.931
<i>Ngắn hạn</i>	<i>-</i>	<i>1.640.009.934</i>	<i>1.677.665.865</i>	<i>37.655.931</i>
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.640.009.934	1.677.665.865	37.655.931

5.17 Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	1.064.510.912	8.756.410.802
Trích trước chi phí thực hiện dự án	407.661.596	8.680.554.726
Chi phí lãi vay	656.849.316	-
Các khoản khác	-	75.856.076
Cộng	1.064.510.912	8.756.410.802
<i>Trong đó: Chi phí phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>656.849.316</i>	<i>-</i>

5.18 Doanh thu chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	2.113.639.925	3.299.499.917
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.426.171.175	951.423.704
Doanh thu cho thuê dịch vụ	687.468.750	2.348.076.213
Cộng	2.113.639.925	3.299.499.917

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.19 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	4.140.450.636	3.832.234.393
Kinh phí công đoàn	1.041.795.302	1.166.786.453
Bảo hiểm xã hội	1.482.251	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.764.713	823.764.713
Phải trả hàng mang đi bảo hành	1.473.062.470	857.573.589
Các khoản phải trả, phải nộp khác	800.345.900	984.109.638
Dài hạn	8.191.037.743	7.916.856.547
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.260.517.743	986.336.547
Phải trả hợp tác kinh doanh (i)	6.930.520.000	6.930.520.000
Cộng	12.331.488.379	11.749.090.940

(i) Khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VFT.

5.20 Dự phòng phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	3.110.566.980	680.184.597
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	3.110.566.980	680.184.597
Dài hạn	9.330.345.090	15.106.287.719
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	9.330.345.090	15.106.287.719
Cộng	12.440.912.070	15.786.472.316

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.21 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn				
<i>Vay</i>				
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (i)	249.686.938.485	289.686.938.485	266.093.019.518	226.093.019.518
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Thăng Long (ii)	249.686.938.485	289.686.938.485	266.093.019.518	226.093.019.518
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	173.536.695.573	213.536.695.573	167.290.740.003	127.290.740.003
Công ty Cổ phần Tập đoàn thương mại Hà Nội (iii)	7.650.242.912	7.650.242.912	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Smartek (iv)	-	-	98.802.279.515	98.802.279.515
Dài hạn				
<i>Vay</i>				
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (v)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
	18.500.000.000	18.500.000.000	-	-
	170.118.795.110	-	-	170.118.795.110
	170.118.795.110	-	-	170.118.795.110
	170.118.795.110	-	-	170.118.795.110
Cộng	419.805.733.595	289.686.938.485	266.093.019.518	396.211.814.628

Trong đó:

Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

68.500.000.000

(i) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 333842.25.054.27172.TD ngày 16/9/2025 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long; Hạn mức cấp tín dụng 1.050.000.000.000 VND trong đó hạn mức cho vay 250.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh thanh toán 50.000.000.000 VND, Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 800.000.000.000 VND, Hạn mức bảo lãnh LC là 100.000.000.000 VND; Mục đích vay: Phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao của khách hàng; Thời hạn duy trì HMTD: kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 31/08/2026; Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.21 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Khoản vay theo Hợp Đồng cấp tín dụng số BDN2021141333/HĐCTĐ ngày 14/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam; Hạn mức cấp tín dụng 280.000.000.000 VND; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục của Hợp Đồng Cấp Tín Dụng theo phụ lục số BDN2021141333/HĐCTĐ/PLHM-4473316 (về việc tái cấp hạn mức tín dụng cho năm 2026-2027) ngày 15/04/2026 hạn mức tín dụng 260.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng (từ ngày 15/04/2026 đến ngày 15/04/2027); Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(iii) Khoản vay theo Hợp Đồng vay vốn số 01/2026/TMHN- ELC ngày 21/05/2026 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM và Công ty Cổ phần Tập đoàn thương mại Hà Nội; Số tiền vay là 50.000.000.000 VND; Mục đích vay: Bổ sung hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vốn vay; Lãi suất: 7%/năm; Biện pháp bảo đảm: vay trên cơ sở không áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản hoặc bảo lãnh của bên thứ ba.

(iv) Khoản vay theo Hợp Đồng vay vốn số 01/2026/SMT- ELC ngày 10/04/2026 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM và Công ty Cổ phần Đầu tư Smartek; Số tiền vay là 18.500.000.000 VND; Mục đích vay: Bổ sung hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vốn vay; Lãi suất: 7%/năm; Biện pháp bảo đảm: vay trên cơ sở không áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản hoặc bảo lãnh của bên thứ ba.

(v) Khoản vay theo khế ước nhận nợ nhận nợ số 108.019.01/25/DN/KUNN ngày 22/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển. Số gốc vay: 170.118.795.110 VND với mục đích vay là thanh toán đợt 2 theo Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án bất động sản số 07/2024/THT-ELCOM-MBH/PTC-HICCI ngày 20/12/2024 về việc chuyển nhượng một phần Dự án Khu trung tâm khu đô thị Tây Hồ Tây giữa (Người bán) Công ty TNHH Phát triển THT và (Người mua) Liên danh Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH. Thời gian cho vay là 08 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vốn vay. Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 9.9%/năm. Sau 12 tháng, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/1 lần với lãi suất là lãi suất cơ sở áp dụng đối với khoản vay trên 12 tháng đối với khách hàng doanh nghiệp tại PGBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.9%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo điều khoản tại Khế ước. Tài sản bảo đảm gồm bất động sản, tiền gửi tại PGBank và tài sản hình thành từ vốn vay, tổng giá trị tài sản bảo đảm theo khế ước là 637.221.149.800 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.22 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	832.900.770.000	-	-	10.410.255.576	5.200.000.000	115.828.035.849	964.339.061.425
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	41.638.480.000	(245.600.000)	-	(10.410.255.576)	-	(31.228.224.424)	(245.600.000)
Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	124.935.110.000	(10.500.000)	-	-	-	-	124.924.610.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động	49.000.000.000	(25.000.000)	-	-	-	-	48.975.000.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	52.414.670.000	-	-	-	-	(52.414.670.000)	-
Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành Esop 2025	-	-	(144.000.000)	-	-	-	(144.000.000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	87.390.672.676	87.390.672.676
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại 01/01/2026	1.100.889.030.000	(281.100.000)	(144.000.000)	-	5.200.000.000	114.575.814.101	1.220.239.744.101
Chi phí kiểm toán vốn	-	(32.400.000)	-	-	-	-	(32.400.000)
Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành Esop 2025	-	-	(253.000.000)	-	-	-	(253.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	15.152.868.603	15.152.868.603
Số dư tại 30/6/2026	1.100.889.030.000	(313.500.000)	(397.000.000)	-	5.200.000.000	123.728.682.704	1.229.107.212.704

(i) Nghị quyết số Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026, theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ phân phối lợi nhuận năm 2025 là 6.000.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Vốn góp của các cổ đông	1.100.889.030.000	1.100.889.030.000
Cộng	1.100.889.030.000	1.100.889.030.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.100.889.030.000	832.900.770.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	166.573.590.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.100.889.030.000	999.474.360.000
Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	41.638.480.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.088.903	110.088.903
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.088.903	110.088.903
Cổ phiếu phổ thông	110.088.903	110.088.903
Số lượng cổ phiếu được mua lại	41.685	15.120
Cổ phiếu phổ thông	41.685	15.120
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.047.218	110.073.783
Cổ phiếu phổ thông	110.047.218	110.073.783
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.23 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

a. Ngoại tệ

	30/06/2026		01/01/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	60.366,24	1.586.966.641	2.586.243,95	67.462.169.536
Tổng	60.366,24	1.586.966.641	2.586.243,95	67.462.169.536

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND (Trình bày lại)
Nợ khó đòi đã xử lý	22.571.514.479	22.571.514.479
Cộng	22.571.514.479	22.571.514.479

c. Tài sản của Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp

STT	Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình	7.638.673.982	5.190.024.774	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long	Khoản vay ngắn hạn	Đến ngày 31/08/2026

STT	Loại tài sản	Khoản mục	Giá trị VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1	Tiền gửi có kỳ hạn	Tài sản dài hạn khác	2.600.000.000	Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển	Khoản vay dài hạn	Đến ngày 22/01/2033
2	Các tài sản cầm cố khác (Dự án Tây Hồ Tây)	Xây dựng cơ bản dở dang	143.366.173.435	Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển	Khoản vay dài hạn	Đến ngày 22/01/2033

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	3.104.980.000	18.434.212.000
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	476.731.946.897	258.391.318.948
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.920.668.292	26.463.532.201
Cộng	514.757.595.189	303.289.063.149

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn thành phẩm phần mềm	744.540.000	1.141.272.544
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	424.380.016.550	238.018.183.487
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	13.267.349.631	17.443.334.686
Cộng	438.391.906.181	256.602.790.717

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.192.168.276	13.454.389.339
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.885.503.333
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.811.855.066	2.784.262.898
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	1.272.434.499	-
Lãi từ hợp tác đầu tư	-	4.856.339.241
Cộng	20.276.457.841	27.980.494.811

Trong đó:

Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan:
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

- 11.087.339.241

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền vay	11.781.663.354	7.082.071.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	262.329.732	1.040.384.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	780.074.933
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	189.348.016	-
Cộng	12.233.341.102	8.902.531.095

Trong đó:

Chi phí tài chính với các bên liên quan:
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

656.849.316

-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	24.712.003.500	19.435.179.767
Chi phí nhân viên	13.580.170.588	12.309.468.619
Chi phí khấu hao TSCĐ	770.499.415	726.751.258
Chi phí bảo hành	4.050.791.637	3.235.219.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.611.421.096	1.975.450.443
Chi phí bằng tiền khác	699.120.764	1.188.289.494
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.725.818.453	29.645.662.803
Chi phí nhân viên quản lý	16.140.809.329	10.094.515.276
Chi phí đồ dùng văn phòng	982.491.162	705.707.670
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.018.398.709	5.220.673.928
Chi phí dự phòng	2.931.382.978	511.985.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.284.763.927	10.301.735.219
Chi phí bằng tiền khác	2.367.972.348	2.811.044.749
Cộng	63.437.821.953	49.080.842.570

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	91.979.820	10.015.050
Cộng	91.979.820	10.015.050
Chi phí khác		
Phạt chậm thực hiện hợp đồng	960.691.007	-
Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	40.423.537	287.461.568
Chi phí khác	50.060.111	-
Cộng	1.051.174.655	287.461.568
Lợi nhuận khác	(959.194.835)	(277.446.518)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.011.788.959	16.405.947.060
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	4.282.812.820	(6.887.824.389)
Khấu hao TSCĐ vượt định mức	738.393.705	315.684.917
Các khoản chi phí không hợp lệ	3.914.555.979	1.066.627.999
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản phải thu, kỳ quỹ năm trước, đã thanh toán năm nay	98.350.708	927.982.506
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(6.885.503.333)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản phải thu, kỳ quỹ	(468.487.572)	(2.312.616.478)
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	24.294.601.779	9.518.122.671
Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.858.920.356	1.903.624.534

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.111.967.874	487.808.290
Chi phí nhân công	31.803.675.872	29.245.895.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.747.386.490	6.355.391.904
Chi phí dự phòng	6.982.174.615	3.747.205.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.753.702.298	34.060.249.339
Chi phí khác bằng tiền	5.567.744.488	5.329.342.203
Cộng	221.966.651.637	79.225.893.054

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Datanova Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty CP ELCOMPRIME	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Máy tính & truyền thông Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Smartek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Chuyển đổi số VDX	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Viễn thông VFT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Ông Ngô Trọng Hiếu (em trai của ông Ngô Ngọc Hà - Thành viên HĐQT là người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Luckybest Việt Nam	Công ty có vốn góp của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tiến Minh Capital	Công ty có vốn góp của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Công nghệ ITD	Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD
Công ty NPT Solutions INC	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và xây dựng Hà An	Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng cầu đường hạ tầng và khoáng sản Thăng Long	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HNA	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Việt Nam	Tổ chức có liên quan của Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Văn Hòa
Công ty TNHH Đầu tư DT&T	
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Mua hàng			6.600.982.628	10.837.828.000
Công ty CP Datanova Việt Nam	Công ty con	Mua dịch vụ	-	4.212.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con	Mua dịch vụ	6.195.528.000	6.195.528.000
Công ty Cổ phần Viễn thông VFT	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	246.454.628	270.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển dịch vụ Việt Nam	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	99.000.000	99.000.000
Doanh thu tài chính			-	11.087.339.241
Công ty Cổ phần Datanova Việt Nam	Công ty con	Cổ tức được chia	-	6.231.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con	Lãi từ hợp tác đầu tư	-	4.856.339.241
Vay			68.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn thương mại Hà Nội	Công ty con	Vay	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Smartek	Công ty con	Vay	18.500.000.000	-
Lãi vay			656.849.316	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn thương mại Hà Nội	Công ty con	Lãi vay	365.917.809	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Smartek	Công ty con	Lãi vay	290.931.507	-
Góp vốn			183.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con		167.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings	Công ty con		16.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng		-	8.645.433.472
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con	-	8.645.433.472
Trả trước cho người bán		13.000.000.000	22.200.000.000
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ chủ tịch HĐQT	5.980.000.000	5.980.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TM& PT Dịch vụ Việt Nam	Công ty liên quan	-	9.200.000.000
Phải trả người bán		4.907.069.894	2.737.422.566
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	Công ty con	2.737.422.566	2.737.422.566
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con	2.169.647.328	-
Chi phí phải trả		656.849.316	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn thương mại Hà Nội	Công ty con	365.917.809	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Smartek	Công ty con	290.931.507	-
Vay ngắn hạn		68.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn thương mại Hà Nội	Công ty con	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Smartek	Công ty con	18.500.000.000	-

7.2 Thông tin khác

➤ Tăng vốn điều lệ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cụ thể như sau:

a. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 5.502.597 cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2026 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu. Phương án này sẽ được thực hiện trước Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

b. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 2.201.038 cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2026 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu. Phương án này sẽ được thực hiện cùng đợt với phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.2 Thông tin khác (Tiếp theo)

c. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: Tối đa 3.600.000 cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến trong năm 2026, thời gian phát hành cụ thể giao cho HĐQT quyết định và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành. Phương án này sẽ được thực hiện sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Khoản mục	MS	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại)	Tại ngày 31/12/2025 (đã trình bày)	Chênh lệch VND
		VND	VND	
Các khoản tương đương tiền	112	276.173.807.521	275.998.000.000	175.807.521
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	170.661.564.001	46.060.000.000	124.601.564.001
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	115.059.397.555	(115.059.397.555)
Phải thu ngắn hạn khác	135	111.186.437.088	120.904.411.055	(9.717.973.967)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	691.150.648	-	691.150.648
Phải trả ngắn hạn khác	320	3.832.234.393	4.523.385.041	(691.150.648)

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Lý

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thắng

